TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/ HNGĐ-ST
Ngày 27 /7 /2017
V/v *"Tranh chấp HN-GĐ"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXX- ST ngày 03 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10 /2017/QĐ-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Bá H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị N có mặt; anh Lê Bá H vắng mặt (đã được tống đạt hợp lệ lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai chị Lê Thị N, anh Lê Bá H thống nhất trình bày như sau:

- Về Hôn nhân: Anh chị xây dựng gia đình với nhau ngày 01/7/1996 do tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện X, Thanh Hóa.

Theo chị N: Cuộc sống chung của anh chị cũng có nhiều xung đột mâu thuẫn, từ năm 2006 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, chị nhiều lần bị anh H đánh đập, tình trạng này kéo dài đã hơn 10 năm, chị cố gắng chịu đựng. Tuy nhiên tình trạng ngày càng trầm trọng, anh H thường xuyên đe dọa, xúc phạm chị, từ tháng 4/2016 chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ

sinh sống. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng là thực sự không còn, anh chị không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Theo anh H: Vợ chồng anh chị chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có sự hiểu nhầm giữa vợ chồng trong vấn đề tình cảm. Từ tháng 7/2016 đến nay anh, chị sống ly thân. Nay chị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý.

- Về con chung:

Anh, chị thống nhất trình bày: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 11/5/1997, cháu Lê Bá M, sinh ngày 13/12/2003. Cháu T đã thành niên, cháu M hiện đang ở với chị N.

Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, hiện chị đang làm y tá tại Trạm xá xã Y, huyện X, thu nhập bình quân 5.000.000đ/ tháng. Chị khẳng định có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Cháu Lê Bá M có nguyện vọng được ở với mẹ.

Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu M và không yêu cầu chị N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án chị N xuất trình các tài liệu chứng cứ: Các Biên bản họp của chi bộ Trạm y tế xã Y với nội dung giải quyết tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị N anh H, Biên bản giải quyết vụ việc của Ban Công an xã Y giải quyết việc anh H đến Trạm y tế xã xúc phạm chị N, Giấy cam kết của anh H với nội dung không tái phạm việc xúc phạm vợ (chị N). Anh H nhiều lần vắng mặt tại các phiên hòa giải và không xuất trình tài liệu chứng cứ gì.

- Về tài sản: Chị N, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn (anh Lê Bá H) đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS

Về nội dung:

[2] - Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, hai bên gia đình, cơ quan, đoàn thể nơi anh chị làm việc nhiều lần can thiệp, giải quyết nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã rất kiên trì tạo điều kiện để anh chị có cơ hội cải thiện tình cảm vợ chồng, anh H nhiều lần không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa án. Xét thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, tình cảm vợ chồng là thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy anh H

có nguyện vọng xin được đoàn tụ, song không có cơ sở để cải thiện tình cảm vợ chồng. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh H là phù hợp.

[3] - Về con chung: Cháu Lê Thị Huyền T đã thành niên.

Cháu Lê Bá M hiện đang ở với chị N. Cuộc sống và học tập của cháu ổn định.

Nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con của anh, chị đều chính đáng. Song để đảm bảo điều kiện ổn định cuộc sống cho cháu M cả về thể chất, tinh thần và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M – Áp dụng Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu Lê Bá M cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp .

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Bá H phải có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu M cùng chị N mỗi tháng 1.000.000đ .

[4]- Về tài sản**:** Chị N, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí**:** Trong vụ án này chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1,2 Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân*:* Cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Lê Bá H.

- Về con chung:Vợ chồng có hai con chung – cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 11/ 5 /1997. Cháu Lê Bá M, sinh ngày 13/12/2003. Cháu Trang hiện đã thành niên.

+Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bá M. Anh Lê Bá H có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 8/2017 cho đến khi cháu Lê Bá M tròn 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị N và anh Lê Bá H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/04845 ngày 04 /4/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Quảng

Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lê Bá H phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Bá H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Dung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Chi cục THADS Quảng Xương
- UBND Thị trấn huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.